

TÁI CẤU TRÚC HỆ THỐNG TÀI CHÍNH VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH NỢ CÔNG VÀ SUY THOÁI KINH TẾ

HOÀNG NGỌC HÒA*

I. ĐÒI HỎI BỨC BÁCH VÀ CĂN CỨ XUẤT PHÁT ĐỐI VỚI TÁI CẤU TRÚC HỆ THỐNG TÀI CHÍNH VIỆT NAM HIỆN NAY

1. Những đòi hỏi bức bách

- Kế thừa, tiếp thu có chọn lọc, phát triển thành tựu nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn 25 năm đổi mới, Đại hội lần thứ XI Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ rõ: "Nền kinh tế thị trường (KTTT) định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCH) ở nước ta là nền kinh tế hàng hóa (KTHH) nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường (CCTT) có sự quản lý của Nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; vừa vận động theo những quy luật của KTTT, vừa được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của CNXH; trong đó CCTT được vận dụng đầy đủ, linh hoạt để phát huy mạnh mẽ, có hiệu quả mọi nguồn lực nhằm phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế; khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói giảm nghèo thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh; trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo,... thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác... và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền XHCN bằng pháp luật, cơ chế

chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các nguồn lực kinh tế"¹.

- Phát triển KTTT định hướng XHCN theo đường lối đổi mới đó, trong 25 năm qua đã góp phần to lớn đưa đất nước "vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, nhất là những tác động tiêu cực của hai cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế khu vực và toàn cầu... đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình"². "Diện mạo của đất nước có nhiều thay đổi. Thế và lực của nước ta vững mạnh thêm nhiều; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng lên, tạo ra những tiền đề quan trọng để đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân"³.

- Nhưng, "những thành tựu đạt được chưa tương xứng với tiềm năng. Kinh tế phát triển chưa bền vững. Chất lượng tăng trưởng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp, các cân đối kinh tế vĩ mô chưa vững chắc,... Công tác quy hoạch, kế hoạch và việc huy động, sử dụng các nguồn lực còn hạn chế, kém hiệu quả, đầu tư còn dàn trải; quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nói chung còn nhiều yếu kém, việc thực hiện chức năng chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước còn bất cập. Tăng trưởng kinh tế vẫn dựa nhiều vào các yếu tố phát triển theo chiều rộng, chậm chuyển sang phát triển theo chiều sâu... tài nguyên, đất đai chưa được quản lý tốt, khai thác và sử dụng kém hiệu quả, chính sách đất đai có mặt chưa phù hợp. Thể chế KTTT, chất lượng nguồn nhân

* GS.TS. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

lực, kết cấu hạ tầng vẫn là những điểm nghẽn cản trở sự phát triển"⁴.

- Sau khủng hoảng tài chính, kinh tế toàn cầu, thế giới sẽ bước vào một giai đoạn phát triển mới. Tương quan sức mạnh của các nền kinh tế và cục diện phát triển toàn cầu thay đổi với sự xuất hiện những liên kết mới... Quá trình tái cấu trúc các nền kinh tế và điều chỉnh các thể chế tài chính toàn cầu sẽ diễn ra mạnh mẽ, gắn với những bước tiến mới về khoa học công nghệ (KH-CN) và sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên. Mặt khác, khủng hoảng còn để lại hậu quả nặng nề, chủ nghĩa bảo hộ trở lại trở thành rào cản lớn cho thương mại quốc tế. Kinh tế thế giới tuy đã bắt đầu phục hồi nhưng còn nhiều khó khăn, bất ổn, đặc biệt là nguy cơ tái khủng hoảng nợ công ở khu vực đồng Euro và giá dầu mỏ tăng cao; sự điều chỉnh chính sách của các nước, nhất là những nước lớn sẽ tác động đến nước ta.

- Trước bối cảnh nêu trên, một trong những yêu cầu bức bách đối với nước ta là phải tái cấu trúc hệ thống tài chính đáp ứng yêu cầu thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển KT-XH và bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ trong thời kỳ chiến lược tới.

2. Những căn cứ xuất phát

2.1. Mục tiêu và những đột phá trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020

- Phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau.

- Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô. Xây dựng cơ cấu kinh tế công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ hiện đại, hiệu quả. Tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ đạt khoảng 85% trong GDP. Giá trị sản phẩm công nghệ cao và ứng dụng công nghệ cao đạt khoảng 45% trong GDP. Giá trị sản phẩm công nghiệp chế tạo chiếm khoảng

40% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp. Nông nghiệp có bước phát triển theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững, nhiều sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động; tỷ lệ lao động nông nghiệp khoảng 30-35% lao động xã hội⁵.

- Thực hiện tái cấu trúc nền kinh tế, trọng tâm là tái cấu trúc các ngành sản xuất, dịch vụ phù hợp với các vùng; thúc đẩy tái cấu trúc doanh nghiệp và điều chỉnh chiến lược thị trường; tăng nhanh giá trị nội địa, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và của cả nền kinh tế...⁶

2.2. Những đột phá chiến lược

Nhằm đạt được mục tiêu trên tái cấu trúc hệ thống tài chính Việt Nam hiện nay cần tập trung cao vào ba đột phá chiến lược sau:

- Hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính.

- Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng KH-CN.

- Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn.

2.3. Vai trò của tái cấu trúc hệ thống tài chính đối với tái cấu trúc nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh hiện nay

Tài chính là hệ thống các quan hệ kinh tế phản ánh sự hình thành và sử dụng một cách có chủ đích các quỹ tiền tệ nhằm bảo đảm tăng trưởng, phát triển kinh tế và thỏa mãn những nhu cầu xã hội khác. Xét về nội dung vật chất, tài chính là toàn bộ quỹ tiền tệ tập trung trực tiếp nằm trong tay nhà nước và quỹ tiền tệ giao cho các doanh nghiệp, các tổ chức sử dụng vì quốc tế dân sinh. Do đó:

- Hệ thống tài chính là huyết mạch của nền kinh tế, có vai trò quan trọng trong việc tạo động lực thúc đẩy, mở đường thực hiện phát triển nhanh, bền vững gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc nền kinh tế.

- Tái cấu trúc tài chính góp phần to lớn phát triển nền tài chính quốc gia theo hướng nâng cao hiệu quả, tính toàn diện, hợp lý, công bằng trong hình thành, phân phối, sử dụng các quỹ tài chính của đất nước.

- Tái cấu trúc hệ thống tài chính góp phần tích cực hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính bằng pháp luật, chính sách, cơ chế đảm bảo tính thống nhất, minh bạch, kỷ cương, kỷ luật tài chính và hiện đại hóa nền tài chính quốc gia.

- Tái cấu trúc hệ thống tài chính phát huy tốt những vai trò vốn có nêu trên là nhân tố quan trọng hàng đầu thúc đẩy tái cấu trúc nền kinh tế nước ta trong bối cảnh hiện nay đi vào chiều sâu thực chất.

II. MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP CƠ BẢN TÁI CẤU TRÚC HỆ THỐNG TÀI CHÍNH NƯỚC TA TRONG NHỮNG NĂM TỚI

1. Mục tiêu chủ yếu tái cấu trúc hệ thống tài chính nước ta những năm tới

- Xây dựng được hệ thống tài chính quốc gia mạnh, đảm bảo giữ vững an ninh tài chính, ổn định kinh tế vĩ mô và nền tài chính - tiền tệ quốc gia, tạo động lực thúc đẩy mạnh mẽ tăng trưởng kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội; huy động, quản lý, phân phối và sử dụng các nguồn lực tài chính trong xã hội hiệu quả, công bằng, toàn diện; đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý, giám sát tài chính.

- Đảm bảo an ninh, an toàn tài chính quốc gia; cân đối ngân sách tích cực, giảm dần tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước (NSNN); duy trì dư nợ Chính phủ và nợ quốc gia trong giới hạn an toàn; tăng cường dự trữ nhà nước đáp ứng kịp thời các nhu cầu đột xuất của nền kinh tế.

· Giảm mức bội chi NSNN xuống dưới 4,5% GDP vào năm 2015 (tính cả trái phiếu

chính phủ) và giai đoạn 2016-2020 tương đương 4% GDP.

* Nợ công (bao gồm nợ chính phủ, nợ được chính phủ bảo lãnh và nợ chính quyền địa phương) đến năm 2020 không quá 65% GDP; dư nợ nước ngoài quốc gia không quá 50% GDP; dư nợ chính phủ không quá 55% GDP.

* Phấn đấu đến năm 2015 tổng mức dự trữ nhà nước đạt 0,8-1% GDP và đến năm 2020 đạt khoảng 1,5% GDP, đồng thời cơ cấu lại mặt hàng dự trữ đảm bảo đáp ứng kịp thời các nhu cầu đột xuất, cấp bách của Nhà nước.

* Tiếp tục hoàn thiện thể chế tài chính đảm bảo tính đồng bộ, ổn định theo nguyên tắc thị trường có sự điều tiết của Nhà nước. Đổi mới tổ chức bộ máy ngành Tài chính theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả. Phát triển bộ máy giám sát tài chính đồng bộ, có khả năng phân tích, đánh giá, cảnh báo trung thực mức độ rủi ro của toàn bộ hệ thống tài chính và từng phân đoạn trong hệ thống tài chính⁷.

2. Một số nhóm giải pháp trọng yếu

Thứ nhất: Hoàn thiện thể chế tài chính

- Đẩy mạnh việc hoàn thiện thể chế về tài chính phù hợp với quá trình hoàn thiện cơ chế KTTT định hướng XHCN, thu hút các nguồn lực trong xã hội cho đầu tư phát triển, chú trọng đến thúc đẩy quá trình tái cấu trúc nền kinh tế.

Bổ sung, phát triển và đồng bộ hóa tháo gỡ các vướng mắc cơ chế, chính sách tài chính để hướng nguồn lực xã hội vào các ngành, các lĩnh vực, các vùng có lợi thế so sánh, có tiềm năng nâng cao giá trị gia tăng. Hoàn thiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đặc biệt chú trọng hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào các ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ. Hoàn thiện cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp trực tiếp đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh ở các vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu vùng xa có nhiều khó khăn.

Tiếp tục thực hiện mở cửa thị trường tài chính một cách hiệu quả, phù hợp với cam

kết quốc tế, chủ động, tích cực tham gia thị trường tài chính quốc tế. Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách tài chính nhằm tăng cường thu hút và khai thác tối đa nguồn vốn nước ngoài gắn với thu hút công nghệ tiên tiến phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức.

- Động viên hợp lý các nguồn thu từ thuế, phí và lệ phí.

Hoàn thiện hệ thống chính sách thu phù hợp gắn với tái cấu trúc thu NSNN theo hướng hiện đại, hiệu quả. Bảo đảm đến năm 2020 hệ thống thuế của Việt Nam có cơ cấu hợp lý, hiện đại, đồng bộ, bền vững, phù hợp với thông lệ quốc tế và có khả năng chủ động huy động đầy đủ, hợp lý nguồn thu cho NSNN. Mở rộng cơ sở thuế, áp dụng mức thuế suất hợp lý, đảm bảo công bằng, bình đẳng về thuế giữa các đối tượng nộp thuế. Tạo được động lực mạnh mẽ khuyến khích sản xuất kinh doanh, nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế và thúc đẩy đầu tư, xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ. Đồng thời bảo hộ có chọn lọc theo mục tiêu CNH, HĐH đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức. Đơn giản hóa hệ thống chính sách ưu đãi thuế. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế, chống thất thoát, gian lận thuế.

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về phí, lệ phí; từng bước chuyển các loại phí bản chất là quan hệ cung ứng dịch vụ sang quản lý theo cơ chế giá dịch vụ. Tăng cường phân cấp cho các địa phương trong việc quyết định các khoản thu phí, lệ phí thuộc ngân sách địa phương và gắn với chức năng quản lý nhà nước của chính quyền địa phương, trên cơ sở tham khảo những kinh nghiệm thành công Ba Lan và một số nước khác có nền kinh tế chuyển đổi ở Đông Âu.

- Đổi mới chính sách thu đối với đất đai, tài nguyên

Mở rộng khai thác các nguồn thu từ đất đai và tài nguyên, đảm bảo hài hòa lợi ích kinh tế và các lợi ích về xã hội, môi trường. Cần phải coi nguồn thu từ đất và tài nguyên là

một nguồn lực công rất quan trọng cho đầu tư phát triển. Thực hiện bán, chuyển nhượng hoặc chuyển mục đích sử dụng đối với đất đai do thuộc sở hữu nhà nước phù hợp với quy hoạch sử dụng đất để tạo nguồn tài chính đầu tư phát triển cơ sở kết cấu hạ tầng.

Sửa đổi, bổ sung chính sách thu từ đất phù hợp với việc sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai theo hướng đảm bảo thu theo mục đích sử dụng và chuyển đổi nghề, tạo việc làm mới cho người bị thu hồi quyền sử dụng đất, phù hợp với giá thị trường, góp phần hình thành thị trường bất động sản có tổ chức, quản lý hiệu quả. Đồng thời mở rộng việc giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá để tăng nguồn thu từ đất đai, sử dụng quỹ đất có hiệu quả.

Nghiên cứu sửa đổi hệ thống chính sách tài chính khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên, khuyến khích chế biến sâu trong nước, hạn chế việc xuất khẩu tài nguyên thô, góp phần bảo vệ, khai thác và sử dụng tài nguyên hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bảo vệ môi trường.

Thứ hai: Nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính gắn với quá trình tái cấu trúc nền tài chính quốc gia

- Nâng cao vai trò định hướng của nguồn lực tài chính nhà nước trong đầu tư phát triển KT-XH. Đặc biệt là đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng gắn với thu hút sự tham gia đầu tư của khu vực tư nhân.

Từng bước điều chỉnh cơ cấu đầu tư theo hướng giảm dần tỷ trọng đầu tư công, kể cả chi đầu tư từ NSNN và ưu tiên tập trung đầu tư phát triển cơ sở kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật thiết yếu.

- Hoàn thiện các cơ chế, chính sách về tài chính để khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư xây dựng cơ sở kết cấu hạ tầng; đa dạng hóa các hình thức hợp tác công tư (PPP).

- Rà soát, bổ sung hoàn thiện các cơ chế tài chính đặc thù áp dụng cho các vùng kinh tế trọng điểm, tạo động lực tác động lan tỏa đến các vùng khác. Hoàn thiện hệ thống ưu đãi về

tài chính đối với vùng chuyên canh lúa và người trồng lúa để giữ và sử dụng có hiệu quả 3,81 triệu hecta đất lúa nhằm đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và các nhà đầu tư phát triển cơ sở kết cấu hạ tầng vào các vùng kinh tế khó khăn, vùng sâu vùng xa, vùng biên giới hải đảo.

- Đổi mới cơ cấu chi NSNN theo hướng tăng cường đầu tư cho con người, nhất là đầu tư phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và đào tạo nghề cho lao động nông thôn để đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH và chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, nông thôn; từng bước đưa nông nghiệp thành sản xuất hàng hóa lớn.

- Điều chỉnh cơ cấu chi và cắt giảm những khoản chi bất hợp lý, nhằm tạo đủ nguồn lực thực hiện cải cách chế độ tiền lương cán bộ, công chức, viên chức.

Cải cách cơ bản chế độ tiền lương cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm cho công chức, viên chức sống được bằng tiền lương ở mức trung bình khá trong xã hội. Gắn cải cách tiền lương với sắp xếp, kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, khuyến khích làm việc hiệu quả gắn với trách nhiệm công vụ.

Tập trung hướng các nguồn lực tài chính nhà nước và thu hút các nguồn vốn ngoài nhà nước để đầu tư cho KHCN và môi trường, đặc biệt là nghiên cứu và ứng dụng công nghệ. Kết hợp các nguồn lực tài chính nhà nước để ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất cho giáo dục - đào tạo và y tế phù hợp với điều kiện phát triển KT-XH, gắn với nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN trong các lĩnh vực này.

Thứ ba: Đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công cùng với đẩy mạnh đa dạng hóa nguồn lực xã hội phát triển dịch vụ công.

- Đổi mới cơ chế và phương thức đầu tư của NSNN cho các đơn vị sự nghiệp công.

Nhà nước tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các đơn vị sự nghiệp cung ứng dịch vụ

công cơ bản và bảo đảm để các đối tượng chính sách xã hội, người nghèo được tiếp cận, hưởng thụ các dịch vụ sự nghiệp công thiết yếu với chất lượng ngày càng cao. NSNN đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên đối với các đơn vị sự nghiệp công lập ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng núi, vùng đồng bào dân tộc ít người.

Đổi mới đồng bộ cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tăng cường phân cấp và tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ và trong sử dụng nguồn lực (bao gồm cả nhân lực và nguồn lực tài chính) trên cơ sở gắn với đặc điểm từng loại hình dịch vụ và nhu cầu của thị trường.

Thực hiện chuyển đổi cơ chế phân bổ chi thường xuyên từ NSNN sang cơ chế nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ trên cơ sở hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật và tiêu chí, tiêu chuẩn của từng loại hình dịch vụ. Thực hiện cơ chế đấu thầu cung cấp dịch vụ công.

- Đổi mới cơ chế giá dịch vụ sự nghiệp công lập và đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công.

Đổi mới cơ chế tính giá đặt hàng sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công. Nhà nước quy định giá hoặc khung giá sản phẩm, dịch vụ đối với các loại dịch vụ cơ bản, có vai trò thiết yếu đối với xã hội; thực hiện có lộ trình việc xóa bỏ bao cấp qua giá, phí dịch vụ. Từng bước cho phép các đơn vị sự nghiệp công lập được tính đủ chi phí (tiền lương, chi phí hoạt động thường xuyên và chi phí khấu hao tài sản cố định) trong giá dịch vụ cung ứng.

Đồng thời, nghiên cứu có chính sách tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận được các dịch vụ sự nghiệp công thiết yếu, đảm bảo công bằng xã hội. Nhà nước thực hiện phương thức hỗ trợ trực tiếp kinh phí cho các đối tượng chính sách xã hội, người nghèo để trang trải các dịch vụ sự nghiệp công được cung cấp theo CCTT thay chế độ miễn, giảm giá dịch vụ thông qua các đơn vị sự nghiệp công lập.

Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công. Hoàn thiện cơ chế chính sách tài chính khuyến khích việc huy động các nguồn lực trong xã hội cho đầu tư phát triển sự nghiệp công, nhất là sự nghiệp giáo dục - đào tạo, y tế, nghiên cứu KH-CN và văn hóa xã hội. Tiếp tục hoàn thiện quy định về việc các cơ sở công lập hợp tác, liên kết với địa phương, doanh nghiệp, cá nhân trong việc xây dựng cơ sở vật chất.

Đa dạng hóa đối tượng cung ứng các loại hình dịch vụ công; tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng trong việc cung cấp dịch vụ công giữa các đơn vị, tổ chức thuộc các thành phần kinh tế khác nhau. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách ưu đãi đối với các đơn vị xã hội hóa cung cấp dịch vụ công.

Thứ tư: Phát triển đồng bộ thị trường tài chính và dịch vụ tài chính.

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật đối với thị trường tài chính và dịch vụ tài chính.

Hoàn thiện khung pháp lý điều tiết hệ thống thị trường tài chính và dịch vụ tài chính để tăng cường điều tiết vĩ mô của Nhà nước và thực hiện giám sát hiệu quả các hoạt động trên thị trường. Thúc đẩy sự phát triển của hệ thống các thị trường tài chính theo chiều sâu trên cơ sở đa dạng hóa các định chế tài chính, các hàng hóa trên thị trường tài chính.

Nghiên cứu sửa đổi Luật Chứng khoán và triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Sửa đổi. Bổ sung một số điều Luật Kinh doanh bảo hiểm và các cam kết quốc tế về dịch vụ bảo hiểm. Đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ bảo hiểm theo yêu cầu của thị trường.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để phát triển đồng bộ thị trường dịch vụ kế toán, kiểm toán, định mức tín nhiệm, tư vấn thẩm định giá, tư vấn thuế, đại lý hải quan. Triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Kiểm toán độc lập.

Các bộ, ngành có liên quan cần phối hợp hoàn thiện các chính sách, cơ chế để thúc

đẩy sự phát triển các sản phẩm, dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt cung cấp an toàn cho xã hội; đa dạng hóa dịch vụ thanh toán, đẩy mạnh ứng dụng thanh toán điện tử.

- Tiếp tục hoàn thiện cấu trúc của thị trường chứng khoán.

Tái cấu trúc thị trường chứng khoán đảm bảo sự phát triển đồng bộ, cân đối giữa thị trường cổ phiếu thị trường trái phiếu, thị trường các công cụ phái sinh. Xây dựng cơ chế kết nối giữa thị trường tiền tệ với thị trường vốn, thị trường bảo hiểm.

Tiếp tục phát triển thị trường trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu, công ty. Khuyến khích các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế niêm yết cổ phiếu, trái phiếu và huy động vốn qua thị trường chứng khoán.

Đa dạng hóa các loại hình sản phẩm trên thị trường tài chính. Tăng cung hàng hóa cho thị trường chứng khoán và cải thiện chất lượng nguồn cung, thông qua việc đẩy mạnh phát hành mới và niêm yết mới, đa dạng hóa các công cụ tài chính để hoàn thiện cấu trúc thị trường.

Xây dựng và triển khai hoạt động công bố thông tin cho các công ty đại chúng theo chuẩn mực quốc tế. Áp dụng các chuẩn mực và thông lệ quốc tế về quản trị công ty, quản trị rủi ro và hình thành cơ chế bảo vệ nhà đầu tư nhỏ.

Hoàn thiện hệ thống chính sách tài chính để thúc đẩy và đa dạng hóa sự tham gia của các tổ chức đầu tư chuyên nghiệp trong nước, khuyến khích các nhà đầu tư tham gia thị trường kết nối Sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam với các Sở giao dịch chứng khoán trong khu vực ASEAN.

Tái cấu trúc các tổ chức kinh doanh chứng khoán và doanh nghiệp bảo hiểm để có tiềm lực tài chính mạnh, uy tín, trình độ nghiệp vụ cao, quản trị hiện đại, hoạt động lành mạnh, bảo đảm tính thanh khoản và an toàn hệ thống. Hình thành và phát triển các tổ chức định mức tín nhiệm.

Thứ năm:

- Tăng cường vai trò của Ngân hàng nhà nước trong việc hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ.

Sớm khắc phục tình trạng địa phương hóa Ngân hàng nhà nước trên cơ sở cấu trúc lại hệ thống NHNN theo vùng kinh tế. Nâng cao trách nhiệm và phát huy mạnh mẽ vai trò nòng cốt, chủ đạo của các Ngân hàng thương mại nhà nước trong việc chia sẻ lợi ích với khách hàng, nhất là các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế để cùng nhau vượt qua suy thoái, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế nhanh, bền vững.

- Chính sách tiền tệ phải chủ động, linh hoạt thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững, kiểm soát được lạm phát, ổn định giá trị đồng tiền. Đồng thời phải gắn kết chặt chẽ chính sách tiền tệ với chính sách tài khóa và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, giám sát hoạt động tài chính, tiền tệ, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô.

Thứ sáu: Đẩy mạnh hoạt động hợp tác và chủ động tích cực hội nhập quốc tế về tài chính.

- Chủ động đề xuất và tích cực tham gia các chương trình hợp tác quốc tế, nâng cao tiếng nói và vị thế của Việt Nam trên các diễn đàn hợp tác tài chính quốc tế. Từng bước tiếp cận với các thị trường tài chính tiên tiến.

- Mở rộng đối thoại chính sách và trao đổi kinh nghiệm về tài chính - tiền tệ với các Chính phủ và các tổ chức tài chính quốc tế. Đa dạng hóa nội dung, hình thức và các đối tác hợp tác quốc tế, gắn hợp tác quốc tế với yêu cầu hiện đại hóa ngành Tài chính.

- Mở rộng các kênh khai thác và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn hỗ trợ tài chính và kỹ thuật trong lĩnh vực tài chính.

- Thực hiện điều chỉnh và xây dựng các cơ chế, chính sách tài chính phù hợp với các quy định và cam kết trong khuôn khổ đa biên, khu vực và điều kiện KT-XH của Việt Nam. Thực hiện có trách nhiệm các cam kết

hội nhập trong lĩnh vực tài chính mà Việt Nam đã đưa ra.

- Chủ động và tích cực xây dựng chính sách hội nhập tài chính hiệu quả, nhất quán; tăng cường theo dõi, giám sát thực hiện quá trình hội nhập, kịp thời điều chỉnh hợp lý, hạn chế tối đa các tác động tiêu cực của quá trình này.

Chú thích

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2011, tr. 34-35.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011. *Văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 91.
3. *Sđd*, tr. 92.
- 4 *Sđd*, tr. 93.
- 5 *Sđd*, tr. 104.
- 6 *Sđd*, tr. 107.
- 7 Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 18-4-2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược tài chính đến năm 2020, tr. 2,3.

Tài liệu tham khảo

1. *Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XI*.
2. Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - nhìn từ thực tiễn Việt Nam (Bài của Đồng chí TBT Nguyễn Phú Trọng - Báo Nhân dân ngày 12/4/2012)
3. Quyết định số 450/QĐ - TTg ngày 18/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt chiến lược Tài chính đến năm 2020.
4. Suy ngẫm lại Sự thần kỳ của Đông Á của Josephe. 2002. Stiglitz và Shahid Yusuf. Nxb. Chính trị Quốc gia.
5. Hoàng Ngọc Hoà, 2007. Chủ động hội nhập Kinh tế quốc tế và phát triển Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nxb. Chính trị quốc gia.